ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 252/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 06 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng (Từ ngày 01/7/2025 đến hết tháng 5/2026)

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Công văn số 1501-CV/VPTU ngày 04/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy Hưng Yên về việc chuẩn bị nội dung phục vụ kiểm tra công tác Chuyển đổi số; Công văn số 1344-CV/ĐU ngày 05/6/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1501-Cv/VPTU ngày 04/6/2026;

Thực hiện Công văn số 3351/UBND-KGVX ngày 06/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chuẩn bị nội dung phục vụ kiểm tra công tác Chuyển đổi số, UBND xã báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Đại Đồng là một vùng đất có lịch sử lâu đời, được hình thành và phát triển cùng với châu thổ Bắc Bộ, trên cơ sở sáp nhập 03 xã cũ (Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài) thành xã Đại Đồng mới, bắt đầu chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, với diện tích đất tự nhiên khoảng 14,8km2, có tổng số 27 thôn, dân số trên 32 nghìn người. Sau khi được sáp nhập, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hướng dẫn chuyên môn sâu sát của các sở, ngành, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đại Đồng đã luôn chung sức đồng lòng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, hợp tác linh hoạt, khắc phục những tồn tại khó khăn, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trọng tâm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số gắn với các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Hiện nay, toàn xã có 40 cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đang công tác tại các phòng (Văn phòng HĐND-UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội. 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức của xã có trình độ Đại học.

Trong thơi gian qua, sự phát triển của các lĩnh vực trong đời sống xã hội và các điều kiện về tự nhiên - xã hội, nguồn lực, tiềm lực đã và đang mang đến những thuận lợi và khó khăn nhất định trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn toàn xã.

1. Thuận lợi

- Hệ thống chính sách, pháp luật và những văn bản dưới Luật về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiện hành, nhất là Luật Khoa học và Công nghệ đã và đang tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, sáng kiến, bảo hộ thành quả lao động của các tập thể, cá nhân, góp phần phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

- Công tác triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND&UBND tỉnh, Đảng ủy xã Đại Đồng và sự hướng dẫn sâu sát về chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyên môn, nhất là đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với tăng trưởng kinh tế trên địa bàn toàn xã.

- Việc thông tin tuyên truyền các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số luôn được đẩy mạnh; UBND xã đã triển khai thực hiện, lồng ghép với các nhiệm vụ chính trị của địa phương và các nhiệm vụ chuyên môn theo từng ngành, lĩnh vực.

- Nhận thức của đông đảo người dân về vai trò, tầm quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang ngày càng được nâng lên rõ rệt.

2. Khó khăn

- Do xã mới được sáp nhập, thành lập và đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/7/2025 với nguồn nhân lực chưa đồng đều, cán bộ chuyên trách về CNTT còn thiếu, chủ yếu là làm việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, hạ tầng CNTT đang dần được đầu tư, nâng cấp.

- Là một xã có mật độ công ty, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể mỏng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại, vận tải, dịch vụ và công nghiệp còn yếu, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công tác sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ chưa phong phú, chủ yếu gắn với lĩnh vực nông nghiệp, nghề truyền thống (sản phẩm OCOP rượu Hải Tửu, sản phẩm đồng của làng nghề truyền thống).

- Viện ứng ứng những tiến bộ của khoa học vào các lĩnh vực đời sống xã hội còn hạn chế, mới chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, địa phương có ít sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đề nghị Tỉnh xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa phát huy được giá trị, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW VÀ CÁC KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1. Việc quán triệt triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ về chuyển đổi số, ...

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 23/7/2025 về thực hiện các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 416-KH/TU ngày 22/4/2025; số 433-KH/TU ngày 11/6/2025; số 440-KH/TU ngày 20/6/2025; số 443-KH/TU ngày 25/6/2025; Thông báo Kết luận số 06 -TB/BCĐ ngày 12/9/2025; Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 14/01/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về triển khai thực hiện Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026; Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 10/3/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về chỉnh lý và thực hiện số hóa tài liệu tồn đọng của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã sau sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên về tiếp tục triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên tới cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị xã qua các hình thức như: Triển khai tại cuộc họp thành viên ủy ban, tập huấn, họp nội dung công việc theo từng ngành, đơn vị, ... nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành chuyên môn tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo quy định.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và hành động cho cán bộ, đảng viên, hội viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc tổ chức triển khai Nghị quyết số 57 và các Kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số

Ủy ban nhân dân xã đã chủ động, hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và những lợi ích tích cực của công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mang lại trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, ... chú trọng tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ đã được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra tại Nghị Quyết 57, các Kế hoạch: số 416- KH/TU ngày 22/4/2025; số 433-KH/TU ngày 11/6/2025; số 440-KH/TU ngày 20/6/2025; số 443-KH/TU ngày 25/6/2025 và

Thông báo Kết luận số 06,... về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi .

Hình thức tuyên truyền: Vận dụng, áp dụng linh hoạt các hình thức tuyên truyền, đa dạng, phong phú, nội dung dễ tiếp nhận, dễ hiểu, cụ thể:

- Tuyên truyền, quán triệt thông qua Hội nghị, các buổi sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội xã, các buổi họp chuyên môn của các phòng, ngành, đơn vị xã;

- Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng (Đài truyền thanh xã, cụm loa truyền thanh thôn, Cổng thông tin điện tử xã, trang fanpage Đại Đồng phát triển và một số nền tảng số tích cực).

- Lồng ghép tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa trong các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan văn hóa, văn nghệ quần chúng.

3. Việc xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57 và các Kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên, Đảng ủy xã Đại Đồng về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, nhằm triển khai các nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/5/2026, UBND xã Đại Đồng đã xây dựng và ban hành tổng số 166 văn bản để triển khai thực hiện các nhiệm vụ,

(Có phụ lục văn bản đã ban hành cụ thể kèm theo)

4. Việc thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã

Để tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã, UBND xã đã xây dựng và ban hành các Quyết định: Số 30/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 04/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 29/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng).

Để việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đảm bảo tính thường xuyên liên tục, UBND xã đã thường xuyên, rà soát, kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự, Quyết định: Số 72/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 74/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng

tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 156/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về kiện toàn Tổ ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 246/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06.

Nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/8/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/10/2025 về hưởng ứng tổ chức các hoạt động Ngày hội Đổi mới sáng tạo (01/10), Ngày chuyển đổi số tỉnh Hưng yên (10/10) và hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng; kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 06/02/2026 về thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn xã; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 02/6/2026 về phát động Phong trào thi đua "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" năm 2026; Kế hoạch số 112/KH-UBND về triển khai thực hiện Quyết định 433/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã. Qua đó, đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ngành, đơn vị xã triển khai thực hiện.

5. Công tác phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57

UBND xã luôn đẩy mạnh phối hợp với các sở, ngành tỉnh, nhất là Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan chủ trì, giúp việc UBND tỉnh để trao đổi, lĩnh hội thông tin, nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các hình thức (tiếp nhận văn bản triển khai nhiệm vụ qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành chung trong toàn tỉnh; thành lập và tham gia nhóm zalo công việc với các phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh; thành lập và tham gia nhóm zalo công việc của 104 xã, phường, trong tình huống khẩn, kịp thời gọi điện trực tiếp với chuyên viên phụ trách các lĩnh vực của Sở khoa học và Công nghệ để trao đổi, xin ý kiến triển khai công việc, nhiệm vụ, ...

II. Kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số

1. Việc tham mưu, đề xuất, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, trong thời gian từ ngày 01/7/2025-31/5/2026, theo đề nghị của cấp có thẩm quyền, UBND xã đã xây dựng và ban hành **14** văn bản tham mưu, đề xuất, góp ý đối với việc hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trong đó chú trọng đề xuất về nguồn nhân lực, cán bộ chuyên trách, được đào tạo chính quy, chuyên sâu, chuyên ngành về công nghệ thông tin, vì hiện nay, UBND xã chưa có cán bộ chuyên trách về, Ủy ban nhân dân xã đang giao cho đồng chí Phó trưởng phòng

Văn hóa - Xã hội trực tiếp hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Việc xây dựng và phát triển chính quyền số

2.1. Cơ sở hạ tầng, ứng dụng số, dịch vụ số và nền tảng dữ liệu dùng chung

Hạ tầng CNTT được ưu tiên phát triển nhanh, phát triển trước để đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. UBND xã đã phối hợp cùng các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - CNTT nâng cấp đường truyền mạng internet băng rộng cáp quang tại các cơ quan nhà nước và 100% các thôn, làng (tính cả các hộ dùng chung gói cước); bước đầu đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị máy móc CNTT cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo thông suốt, đặc biệt ưu tiên đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được trang bị thiết bị, hạ tầng công nghệ (06 máy tính, 02 máy phô tô và scan tài liệu, 01 máy scan A4, 06 máy in, 01 máy lấy số tự động kết hợp màn hình hiển thị tra cứu thông tin, 02 màn hình led hiển thị thông tin, 05 màn hình hiển thị số thứ tự, mạng wifi riêng, ...), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Hạ tầng kết nối số tiếp tục được mở rộng, phủ sóng 4G đến 100% số thôn, làng trên địa bàn. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng cao. 100% người dân trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh có kết nối 3G,4G, đang định hướng phủ sóng 5G.

Xã đã thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định).

Xã đã thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế và các cơ sở thôn trên địa bàn xã đã được cấp tài khoản phần mềm quản lý văn bản và điều hành, kết nối đồng bộ, liên thông đạt 100%.

Cán bộ lãnh đạo quản lý và CCVC nói chung trong toàn xã đã lập, tham gia các nhóm Zalo công việc chung theo ngành, lĩnh vực phụ trách, nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, trao đổi công việc, giúp xử lý công việc kịp thời gian.

Các cơ quan nhà nước trên địa xã tiếp tục triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung như: Phần mềm văn bản quản lý và điều hành, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai.

Hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã: Được thành lập từ ngày 01/7/2025, được hoạt động theo Quyết định số số 29/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử

xã Đại Đồng, Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND xã về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND xã về việc kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng. Từ khi được thành lập, đi vào hoạt động, Cổng thông tin điện tử xã đã kịp thời cung cấp tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội động nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Văn bản ban hành. Tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/5/2026, đã đăng trược gần 260 tin, bài phản ảnh tình hình hoạt động các lĩnh vực của xã, trong đó có trên 40 tin, bài về Chuyển đổi số; đã đăng được trên 1000 văn bản chỉ đạo, thực hiện của xã lên Cổng thông tin điện tử.

UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục tập trung thực hiện Đề án 06 (theo ngành dọc giao nhiệm vụ); tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 82%.

2.2. Cơ sở hạ tầng CNTT cơ bản và hệ thống hiện có

Hiện nay, UBND xã có 40 cán bộ, công chức, viên chức, làm việc chuyên môn tại các phòng: Văn hóa - Xã hội; Kinh tế; Trung tâm Phục vụ HCC; Văn phòng HĐND-UBND và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã. Trong đó, có 36/38 cán bộ, công chức, viên chức có máy tính phục vụ công tác, còn lại 02 người chưa có máy tính, đang dùng laptop cá nhân để làm việc. Đa phần máy tính, máy in, máy phô tô, máy scan được sử dụng là mang từ các cơ quan, đơn vị công tác cũ về, thời hạn dùng thường từ 05 năm trở lên, thậm chí có máy đã dùng trên 10 năm, hoặc lâu hơn, chưa được nâng cấp. Qua rà soát thực tế, có 20/40 máy đã cũ, cấu hình thấp, không đáp ứng nhu cầu công việc trong thời đại số, cần được thay thế; có 01/40 máy vẫn tạm dùng được, nhưng cần được nâng cấp kịp thời; có 07/40 máy có thể đáp ứng nhiệm vụ công việc. Xã Đại Đồng hiện đang dùng hệ thống mạng LAN, wifi tập trung, có một số ít máy được trang bị phần mềm chống mã độc, nhưng hiện đã gần hết hạn. Mạng LAN, wifi nhiều khi tốc độ đường truyền chậm, nghẽn mạng, hay bị mất mạng, làm chậm và gián đoạn công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công việc.

Đài truyền thanh xã Đại Đồng được thành lập trên cơ sở của 3 đài xã cũ (Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài). Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ công tác truyền thanh cơ sở của Đài truyền thanh xã còn thiếu, đang sử dụng tạm 01 phòng (cơ sở vật chất cũ của xã Việt Hưng) để phục vụ hoạt động truyền thanh; máy móc, thiết bị tác nghiệp chưa được đảm bảo về chất lượng. Hiện tại Đài truyền thanh xã đang ứng dụng CNTT-VT - truyền thanh thông minh (*đơn vị cung cấp dịch vụ là đơn vị viễn thông VNPT*) để thực hiện các nhiệm vụ về truyền thanh cơ sở. Xã Đại Đồng hiện đang có 52 cụm loa, được đặt tại 27 thôn, đang ứng dụng CNTT-VT (*đơn vị cung cấp dịch vụ là đơn vị viễn thông VNPT*), trong đó cũng có một số cụm loa đã xuống cấp, có 1 số cụm loa bị rơi hỏng do va chạm.

2.3. Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin

Trong năm 2025, tỉnh đã đầu tư một phần kinh phí cho xã để ưu tiên nâng cấp hạ tầng CNTT tại Trung tâm Phục vụ HCC xã, nhằm cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Năm 2026, để đảm bảo công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, từ kết quả rà soát trên, UBND xã đã có văn bản đề nghị Sở Khoa học và công nghệ trình cấp có thẩm quyền cấp kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ của xã (Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 29/10/2025 về đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số 2026). Theo đó, UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí cho UBND xã Đại Đồng với tổng kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ, trong đó:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

- Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;

- Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in, ... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng.

2.4. Xây dựng phương án đảm bảo an toàn, an ning mạng

Căn cứ chắc năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, UBND xã xây dựng, ban hành:

- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng.

2.5. Hoạt động của Trung tâm Phục vụ HCC

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từ ngày 10/9/2025 đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/5/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ HCC là 9.060 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ trực tuyến là 8.357, tỉ lệ 92,24%;
- Số hồ sơ đã giải quyết 8.885 hồ sơ;
+ Hồ sơ đúng hạn: 8.814 hồ sơ, đạt 99,2%;
+ Hồ sơ quá hạn : 64 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,8%;
+ Hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết: 175 hồ sơ.
- Tỷ lệ số hóa kết quả là 98,6%.
- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ: 99,7%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,27%.

2.6. Nguồn lực, kinh phí cho phát triển KHCN, ĐMST, CĐS của xã

* Về nguồn nhân lực số: Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 đồng chí Phó trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,... ; đã cử 01 công chức Phòng Văn hóa - Xã hội theo học văn bằng 2, chuyên ngành CNTT do Sở Nội vụ tỉnh tham mưu, triệu tập. Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

* Về kinh phí dành cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Sau sáp nhập, giai đoạn đầu hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nguồn kinh phí của xã nói chung còn rất khó khăn, trong năm 2025, tỉnh đã đầu tư một phần kinh phí cho xã để ưu tiên nâng cấp hạ tầng CNTT tại Trung tâm Phục vụ HCC xã, nhằm cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Năm 2026, xã được UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ, trong đó:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;

- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

- Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;

- Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in, ... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu

làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng.

3. Việc phát triển kinh tế số

3.1. Xây dựng và phát triển môi trường thương mại điện tử

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của Việt Nam nói chung và của xã Đại Đồng nói riêng là đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di dộng, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội tập trung, lồng ghép tuyên truyền tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử, ... trong các hoạt động kinh doanh.

3.2. Xây dựng và phổ cấp thanh toán điện tử

Việc xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử là một trong các nhiệm quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế số của xã Đại Đồng. Chính vậy, từ việc cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã đã xác định, việc tuyên truyền, xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử tới doanh nghiệp và người dân là một trong các nhiệm vụ cần kíp, là xu thế tất yếu trong thời đại số, từ đó đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn không chỉ tăng cường tuyên truyền mà còn phổ cập tới đông đảo người dân và doanh nghiệp về việc thanh toán điện tử. Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

UBND xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền về các hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhua cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số,... Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số, tuy nhiên sự tiếp cận và đổi mới đó còn khiêm tốn, hạn chế.

4. Việc phát triển xã hội số

4.1. Việc đào tạo phổ cấp kỹ năng số cho người dân

Nhằm trang bị cho người dân, người lao động trong các công ty, doanh nghiệp kỹ năng để tương tác với môi trường số, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện dấu hiểu lừa đảo trên mạng, UBND xã ban hành Công văn số 229/UBND-VHXH ngày 29/8/2025 về tham gia khóa học trực tuyến trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; Công văn số 446/UBND-VHXH ngày 06/10/2025 về tổ chức triển khai đồng boojphong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số trên địa bàn xã; Công văn số 462/UBND-VHXH ngày 09/10/2025 về đôn đốc triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn xã, trong đó cung cấp cho người dân đường link cụ thể về phong trào "Bình dân học vụ số", địa chỉ nền tảng học trực tuyến MOOCs, ... Qua đó, đã tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày, từ kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến an toàn, kỹ năng nhận diện các trang web và dịch vụ lừa đảo

4.2. Đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ văn bản về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, UBND xã đã có những đề xuất, kiến nghị về việc bố trí cán bộ chuyên ngành CNTT về thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, do hiện nay xã đang thiếu, công chức khác phải kiệm nhiệm. Nên cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của kỷ nguyên công nghệ - kỷ nguyên số.

UBND xã đã cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, phục vụ yêu cầu công việc. Thời gian quan, UBND xã đã cử gần 100 lượt lãnh đạo, công chức, viên chức tham gia 05 lớp tập huấn kiến thức về chuyển đổi số do Sở Nội vụ, Sở khoa học và Công nghệ, Đảng ủy xã Đại Đồng triệu tập.

4.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông vận tải, tài nguyên, môi trường, ...

Đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở Giáo dục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng liên quan đến công tác chuyển đổi số giáo dục; triển khai nâng cấp hệ thống quản lý nhà nước SMAS 4.0 tại các cơ sở giáo dục; đã và đang triển khai tới 08 cơ sở Giáo dục trong xã về việc kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bằng số để cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đạo tạo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% các trường học đã thực giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng công nghệ AI hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

Hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã đã và đang vận dựng, ứng linh linh hoạt CNTT, công nghệ AI, công nghệ số trong hoạt động dạy và học, như: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản

lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ... sử dụng sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, giáo án điện tử, ... Ngoài ra, các cơ sở giáo dục còn sử dụng CNTT trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính, đăng, tải thông tin tuyển sinh, ... Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy và học; tạo ra môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, linh hoạt; góp phần phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; giúp học sinh tư duy sáng tạo, phát triển khả năng tự học.

- Việc chuyển đổi số lĩnh vực y tế trên địa bàn xã còn nhiều hạn chế, do hạ tầng CNTT chưa đáp ứng, trình độ nhân lực chưa đồng đều, nhận thức và khả năng sử dụng dịch vụ công trong lĩnh vực y tế của người dân còn hạn chế.

III. Kết quả chung trong công tác chuyển đổi số

1. Xây dựng, quản lý, khai thác các cơ sở dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch: 100% hồ sơ đăng ký hộ tịch được nhập, quản lý trên phần mềm đăng ký hộ tịch quốc gia. Xã đã tiếp nhận và xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%; 100% hồ sơ được số hóa và lưu trữ trên hệ thống điện tử.

- Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu đất đai: Đã tiếp nhận, xử lý trực tuyến 534/535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,8%.

- Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Đã tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,7%.

- Cơ sở dữ liệu về người có công: Đã tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,5%.

- Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Đã tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

- Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ...

2. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

UBND xã Đại Đồng luôn sâu sát trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, thường xuyên rà soát hạ tầng máy móc thiết bị, phần mềm phòng, chống mã độc, cụ thể:

- Đã triển khai cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (BKAV, SMART IR, Kaspersky). Năm 2026, rà soát, đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp

tục cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc SMART IR cho 100% máy tính thuộc các phòng, ban, đơn vị xã (do phần mềm cũ đã sắp hết hạn).

- Tham gia tập huấn, diễn tập thực chiến theo triệu tập của cấp trên.

- Đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng.

- Từ ngày 01/7/2025 đến 31/5/2026, trên địa bàn xã chưa ghi nhận phát sinh sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng nghiêm trọng.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Nghị quyết đã đặt ra những định hướng rõ ràng cho phát triển kinh tế- xã hội, xác định rõ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược hàng đầu.

- Nghị quyết đã góp phần đổi mới tư duy quản lý nhà nước trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Chỉ đạo rõ ràng, cụ thể, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hạn chế

- Nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chưa có cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

- Kinh phí để đầu tư cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng để thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, hệ thống cơ sở vật chất, hệ thống máy móc đôi khi vẫn gặp trục trặc trong quá trình vận hành, khai thác; một số máy móc thiết bị đã cũ, xuống cấp.

- Tốc độ xử lý của hệ thống Cổng DVCQG nhiều lúc xử lý chậm; Tình trạng treo trang, không truy cập được vẫn còn xảy ra; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm dẫn đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến bị kéo dài thời gian.

- Trình độ và kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế, chưa đồng đều. Đa số người dân còn chưa quen hoặc e ngại khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, mặc dù đã được công chức Trung tâm

phục vụ hành chính công hướng dẫn nhưng công dân vẫn muốn nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp, nên tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến còn chưa cao.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị HĐND&UBND tỉnh: Tiếp tục xem xét, bổ sung, kiện toàn cơ chế chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thiết thực triển khai hỗ trợ cho người trực tiếp đảm nhiệm nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị định của chính phủ.

- Đề nghị sở Khoa học và Công nghệ:

+ Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chủ động rà soát, tổng hợp, lập biểu danh sách những nhiệm vụ cụ thể giao cho cấp xã, phường chủ trì thực hiện, đảm bảo tính đồng bồ, xuyên suốt, dễ thực hiện, dễ theo dõi, dễ tổng hợp báo cáo.

+ Tiếp tục nghiên cứu, xem xét, tham mưu bố trí kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả.

D. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ

sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Đại Đồng, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh biết, tổng hợp và chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG THUNG YÊN

Trần Văn Thành